

Số: 268 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I, năm học 2023 – 2024
cho sinh viên Đại học chính quy ngành Dược học khóa 74,75,76,77,78;
ngành Hóa dược khóa 1,2,3,4; ngành Hóa học khóa 1,2
và ngành Công nghệ sinh học khóa 1,2**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT/QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế: tách Trường Đại học Y dược thành 2 trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa;

Căn cứ “Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 và “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-DHN ngày 22/01/2024 về việc quy định mức thu học phí năm học 2023-2024;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 28/03/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp HBKKHT Học kỳ I, năm học 2023-2024 là các sinh viên đại học hệ chính quy (ĐH) ngành Dược học khóa 74,75,76,77,78; ngành Hóa dược khóa 1,2,3,4; ngành Hóa học khóa 1,2 và ngành Công nghệ sinh học khóa 1,2 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không vi phạm kỷ luật trong Học kỳ I, năm học 2023-2024 và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung bình học tập lần 1 (thang điểm 4) của Học kỳ I, năm học 2023-2024 từ các mức điểm sau đây trở lên:

Dược học - K74: 3,85

Hóa dược - K1: 3,65

Dược học - K75: 3,31

Hóa dược - K2: 3,42

Dược học - K76: 3,67

Hóa dược - K3: 2,95

Dược học - K77: 3,03

Hóa dược - K4: 3,25

Dược học - K78: 3,45

Hóa học - K1: 3,01

Dược học CLC - K77: 3,56

Hóa học - K2: 2,97

Dược học CLC - K78: 3,68

CNSH - K1: 2,79

CNSH - K2: 3,05

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I, năm học 2023-2024 đối với các sinh viên đại học được quy định như sau:

Ngành	Mức học bổng (đ/tháng)		
	Khá	Giỏi	Xuất sắc
Dược học	2.205.000	2.425.000	2.645.000
Dược học CLC	4.500.000	4.950.000	5.400.000
Hóa dược	1.850.000	2.035.000	2.220.000
Hóa học	1.350.000	1.485.000	1.620.000
Công nghệ sinh học	1.350.000	1.485.000	1.620.000

Học bổng khuyến khích học tập được cấp 05 tháng cho 1 học kỳ. Học bổng KKHT học kỳ I, năm học 2023-2024 được cấp trong học kỳ II, năm học 2023-2024.

Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng Công tác học viên, sinh viên – Y tế, Quản lý đào tạo, Tài chính kế toán và sinh viên các lớp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, HVSV-YT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Tuyền

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP - HỌC KỲ I, 2023-2024

**ĐHCQ ngành Dược học khóa 74,75,76,77,78; ngành Hóa dược khóa 1,2,3,4;
ngành Hóa học khóa 1,2 và ngành Công nghệ sinh học khóa 1,2**

(kèm theo Quyết định số 268 /QĐ-DHN ngày 05 tháng 4 năm 2024)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
1	1901030	Nguyễn Thị Hải Anh	M1K74	3.85	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
2	1901031	Nguyễn Thị Hồng Anh	M1K74	3.92	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
3	1901034	Nguyễn Thị Lan Anh	M1K74	4.00	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
4	1901042	Nguyễn Văn Anh	N1K74	3.92	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
5	1901064	Phạm Thu Bắc	M1K74	3.88	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
6	1901074	Lê Hà Cẩm	M1K74	3.85	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
7	1901075	Hoàng Bảo Châu	N1K74	3.85	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
8	1901080	Nguyễn Thị Kim Chi	M1K74	3.85	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
9	1901081	Tạ Thị Mai Chi	N1K74	3.92	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
10	1901087	Lê Đăng Chính	M1K74	4.00	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
11	1901095	Đặng Thị Bích Đào	M1K74	3.88	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
12	1901097	Trịnh Hồng Đạo	M1K74	4.00	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
13	1901114	Lê Thành Đức	N1K74	3.90	0	95	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
14	1901118	Trần Vũ Đức	M1K74	3.90	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
15	1901128	Thiều Thị Minh Dung	M1K74	3.90	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
16	1901159	Nguyễn Thị Giang	M1K74	3.92	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
17	1901197	Ngô Thúy Hằng	M1K74	3.92	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
18	1901198	Nguyễn Minh Hằng	M1K74	3.85	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
19	1901213	Vũ Hồng Hạnh	M1K74	3.92	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
20	1901215	Quản Thị Hậu	M1K74	3.90	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
21	1901223	Phan Thảo Hiền	M1K74	4.00	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
22	1901226	Võ Minh Hiền	M1K74	4.00	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
23	1901280	Nguyễn Thị Mai Hương	M1K74	3.88	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
24	1901295	Nguyễn Hữu Huy	N1K74	3.88	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
25	1901302	Hà Thu Huyền	M1K74	3.85	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
26	1901303	Hoàng Thị Huyền	M1K74	3.92	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
27	1901316	Tạ Thị Huyền	M1K74	3.88	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
28	1901317	Trần Thị Khánh Huyền	M1K74	3.85	0	95	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
29	1901328	Nguyễn Công Khương	M1K74	4.00	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
30	1901340	Vũ Thị Thu Lan	M1K74	3.85	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
31	1901361	Lê Ngọc Linh	M1K74	3.95	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
32	1901394	Lê Thiên Bảo Long	M1K74	3.88	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
33	1901429	Nguyễn Quỳnh Mai	N1K74	3.85	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
34	1901434	Phạm Thị Phương Mai	M1K74	3.85	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
35	1901455	Lương Thị Trà My	N1K74	3.88	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
36	1901472	Nguyễn Thị Nga	M1K74	4.00	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
37	1901473	Nguyễn Thị Nga	M1K74	3.85	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
38	1901501	Nguyễn Thị Bích Ngọc	M1K74	3.92	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
39	1901511	Thái Vũ Thảo Nguyên	M1K74	3.88	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
40	1901542	Vũ Văn Phùng	M1K74	3.92	0	95	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
41	1901546	Đặng Thị Hoài Phương	M1K74	3.92	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
42	1901572	Trần Hồng Quân	M1K74	3.85	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
43	1901575	Đỗ Ngọc Quang	M1K74	3.85	0	96	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
44	1901584	Dương Quang Quý	M1K74	3.85	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
45	1901637	Lê Thị Thảo	M1K74	3.85	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
46	1901639	Nguyễn Phương Thảo	M1K74	4.00	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
47	1901655	Trần Thị Phương Thảo	M1K74	3.85	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
48	1901665	Nguyễn Thị Thơm	M1K74	3.85	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
49	1901680	Nguyễn Thị Hoài Thương	N1K74	3.88	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
50	1901688	Lê Thị Thùy	N1K74	3.92	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
51	1901706	Nguyễn Thị Thu Trà	M1K74	4.00	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
52	1901748	Bùi Văn Trường	M1K74	3.92	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
53	1901757	Nguyễn Đức Tú	M1K74	3.88	0	93	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
54	1901804	Vũ Thị Yến	M1K74	4.00	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
55	1901007	Trịnh Thu An	M1K75	3.43	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
56	2001005	Trần Hoàng Thu An	M1K75	3.40	0	91	Giỏi	2,425,000	12,125,000
57	2001029	Nguyễn Thị Hồng Anh	N1K75	3.37	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
58	2001041	Thái Doãn Hoàng Anh	M1K75	3.46	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
59	2001064	Nguyễn Thị Ngọc Bích	M1K75	3.37	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
60	2001084	Nguyễn Quỳnh Chi	N1K75	3.49	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
61	2001103	Bùi Song Đan	M1K75	3.41	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
62	2001105	Nguyễn Hải Đăng	N1K75	3.32	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
63	2001121	Đặng Minh Đức	N1K75	3.44	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
64	2001134	Trịnh Ngọc Minh Dung	M1K75	3.44	0	91	Giỏi	2,425,000	12,125,000
65	2001166	Trần Thị Vân Giang	M1K75	3.54	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
66	2001190	Vũ Thu Hà	N1K75	3.57	0	97	Giỏi	2,425,000	12,125,000
67	2001196	Lê Thị Thúy Hằng	N1K75	3.35	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
68	2001201	Phan Thị Thu Hằng	M1K75	3.37	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
69	2001221	Nguyễn Thị Thanh Hiền	M1K75	3.31	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
70	2001244	Trần Thị Hòa	N1K75	3.37	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
71	2001248	Nguyễn Thị Hoài	M1K75	3.49	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
72	2001297	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	M1K75	3.35	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
73	2001302	Võ Thị Minh Huyền	M1K75	3.44	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
74	2001310	Trần Thị Cát Khánh	N1K75	3.37	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
75	2001324	Đào Thị Hồng Liên	M1K75	3.37	0	94	Giỏi	2,425,000	12,125,000
76	2001334	Hà Khánh Linh	M1K75	3.41	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
77	2001337	Hoàng Mai Linh	N1K75	3.34	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
78	2001353	Nguyễn Tổng Ái Linh	M1K75	3.40	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
79	2001358	Phan Thị Thùy Linh	N1K75	3.37	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
80	2001359	Phan Trang Linh	M1K75	3.62	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
81	2001374	Bùi Thị Cẩm Ly	M1K75	3.35	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
82	2001382	Lại Thị Ngọc Mai	M1K75	3.53	0	95	Giỏi	2,425,000	12,125,000
83	2001387	Trần Thị Ngọc Mai	M1K75	3.54	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
84	2001411	Nguyễn Thị Nga	M1K75	3.47	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
85	2001423	Lê Thu Ngân	M1K75	3.35	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
86	2001424	Nguyễn Hà Ngân	M1K75	3.37	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
87	2001425	Nguyễn Phương Ngân	M1K75	3.84	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
88	2001430	Tăng Trung Nghĩa	M1K75	3.37	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
89	2001441	Trần Thị Thúy Ngọc	M1K75	3.32	0	91	Giỏi	2,425,000	12,125,000
90	2001464	Phạm Thị Nhung	M1K75	3.50	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
91	2001485	Nguyễn Linh Phương	N1K75	3.66	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
92	2001489	Nguyễn Thu Phương	O1K75	3.32	0	97	Giỏi	2,425,000	12,125,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
93	2001532	Hồ Tuệ Tâm	M1K75	3.53	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
94	2001557	Nguyễn Tuấn Thành	M1K75	3.40	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
95	2001558	Phạm Việt Thành	N1K75	3.43	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
96	2001567	Hoàng Thị Thảo	M1K75	3.57	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
97	2001587	Nguyễn Đức Thiện	M1K75	3.91	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
98	2001603	Giáp Thị Anh Thư	N1K75	3.51	0	99	Giỏi	2,425,000	12,125,000
99	2001606	Nguyễn Văn Thuận	M1K75	3.78	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
100	2001614	Trần Thị Thương Thương	M1K75	3.31	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
101	2001643	Lê Thị Thu Trang	M1K75	3.75	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
102	2001668	Vũ Thị Trang	M1K75	3.31	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
103	2001669	Nguyễn Văn Tráng	M1K75	3.44	0	95	Giỏi	2,425,000	12,125,000
104	2001690	Lê Thị Tuyết	N1K75	3.54	0	92	Giỏi	2,425,000	12,125,000
105	2001691	Nguyễn Thị Tuyết	M1K75	3.40	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
106	2001703	Lê Đình Văn	N1K75	3.54	0	95	Giỏi	2,425,000	12,125,000
107	2101024	Nguyễn Ngọc Anh	A3K76	3.77	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
108	2101029	Nguyễn Thị Ngọc Anh	A3K76	3.80	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
109	2101066	Đoàn Ngọc Bích	A1K76	3.83	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
110	2101094	Cao Tiến Đạt	A2K76	3.80	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
111	2101109	Hà Cảnh Đức	A3K76	3.70	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
112	2101121	Nhữ Thị Dung	A2K76	3.67	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
113	2101123	Vũ Thị Kim Dung	A3K76	3.67	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
114	2101156	Hồ Thị Duyên	A3K76	3.83	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
115	2101162	Bùi Văn Giang	A1K76	3.78	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
116	2101179	Dương Thị Thu Hà	A4K76	3.68	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
117	2101180	Nguyễn Thị Hà	A4K76	3.88	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
118	2101183	Nguyễn Thị Việt Hà	A3K76	3.85	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
119	2101186	Trần Ngân Hà	A4K76	3.80	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
120	2101195	Tô Lê Hải	A3K76	3.80	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
121	2101222	Lê Minh Hiệp	A4K76	3.83	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
122	2101231	Vũ Thị Ngọc Hiếu	A1K76	3.73	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
123	2101256	Đặng Thu Huế	A4K76	3.83	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
124	2101273	Dương Thị Hương	A4K76	3.85	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
125	2101285	Lê Thị Minh Hường	A2K76	3.72	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
126	2101337	Trương Minh Kỳ	A1K76	3.77	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
127	2101351	Đỗ Khánh Linh	A1K76	3.73	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
128	2101391	Vũ Ngọc Hải Linh	A4K76	3.70	0	98	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
129	2101393	Nguyễn Thị Loan	A1K76	3.70	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
130	2101394	Nguyễn Hoàng Long	A2K76	3.68	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
131	2101420	Vũ Ngọc Mai	A3K76	3.75	0	93	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
132	2101436	Trần Tuấn Minh	A2K76	3.70	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
133	2101437	Trịnh Vũ Tuệ Minh	A4K76	3.67	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
134	2101443	Phạm Thị Trà My	A4K76	3.72	0	93	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
135	2101461	Bùi Thị Ngân	A4K76	3.73	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
136	2101470	Lưu Minh Ngọc	A3K76	3.72	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
137	2101484	Mai Văn Nguyên	A1K76	3.80	0	95	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
138	2101499	Nguyễn Thị Yến Nhi	A3K76	3.83	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
139	2101501	Bùi Hồng Nhung	A1K76	3.67	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
140	2101502	Lê Hồng Nhung	A1K76	3.67	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
141	2101504	Nguyễn Trang Nhung	A4K76	3.83	0	91	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
142	2101511	Phạm Thị Oanh	A1K76	3.83	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
143	2101533	Nguyễn Trần Mai Phương	A1K76	3.98	0	98	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
144	2101546	Nguyễn Minh Quý	A4K76	3.88	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
145	2101552	Đoàn Thị Như Quỳnh	A4K76	3.73	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
146	2101588	Nguyễn Phương Thanh	A4K76	3.83	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
147	2101597	Nguyễn Thị Hà Thảo	A4K76	3.85	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
148	2101615	Trần Thị Thơm	A2K76	3.82	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
149	2101626	Đào Ngọc Anh Thư	A2K76	3.85	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
150	2101630	Hà Thị Phương Thúy	A1K76	3.80	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
151	2101639	Vũ Thanh Thủy	A1K76	3.82	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
152	2101641	Lê Quốc Tiến	A1K76	3.82	0	98	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
153	2101673	Trần Đoàn Trang	A2K76	3.80	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
154	2101687	Bùi Tuấn Tú	A2K76	3.75	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
155	2101694	Dương Thanh Tùng	A2K76	3.90	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
156	2101703	Lê Thị Tổ Uyên	A4K76	3.67	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
157	2201185	Nguyễn Minh Đức	A0K77	3.59	0	93	Giỏi	4,950,000	24,750,000
158	2201814	Lưu Thùy Trang	A0K77	3.56	0	93	Giỏi	4,950,000	24,750,000
159	2201840	Lê Thị Cẩm Tú	A0K77	3.62	0	95	Xuất sắc	5,400,000	27,000,000
160	2201903	Nguyễn Hải Yến	A0K77	3.88	0	100	Xuất sắc	5,400,000	27,000,000
161	2201027	Dương Đức Anh	A1K77	3.06	0	94	Khá	2,205,000	11,025,000
162	2201035	Hoàng Thị Vân Anh	A2K77	3.05	0	86	Khá	2,205,000	11,025,000
163	2201049	Nguyễn Đình Ngọc Anh	A2K77	3.20	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
164	2201059	Nguyễn Phương Anh	A1K77	3.03	0	90	Khá	2,205,000	11,025,000
165	2201066	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	A1K77	3.31	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
166	2201098	Trần Minh Ánh	A3K77	3.08	0	87	Khá	2,205,000	11,025,000
167	2201112	Nguyễn Thị Ngọc Bích	A3K77	3.30	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
168	2201147	Bùi Quang Cường	A1K77	3.62	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
169	2201151	Nguyễn Mạnh Cường	A1K77	3.38	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
170	2201200	Ngô Tiến Dũng	A4K77	3.28	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
171	2201224	Hà Thị Kim Giang	A1K77	3.14	0	85	Khá	2,205,000	11,025,000
172	2201240	Đàm Cao Hải Hà	A3K77	3.06	0	86	Khá	2,205,000	11,025,000
173	2201242	Đào Thu Hà	A4K77	3.23	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
174	2201245	Nguyễn Ngọc Hà	A1K77	3.33	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
175	2201298	Trần Hữu Hoàng Hiệp	A3K77	3.06	0	88	Khá	2,205,000	11,025,000
176	2201300	Lê Minh Hiếu	A2K77	3.19	0	95	Khá	2,205,000	11,025,000
177	2201319	Vũ Thúy Hòa	A2K77	3.08	0	86	Khá	2,205,000	11,025,000
178	2201338	Trương Minh Hoàng	A2K77	3.25	0	95	Giỏi	2,425,000	12,125,000
179	2201345	Nguyễn Thị Huế	A2K77	3.03	0	90	Khá	2,205,000	11,025,000
180	2201348	Ngô Thị Bích Huệ	A2K77	3.05	0	98	Khá	2,205,000	11,025,000
181	2201374	Nguyễn Quang Huy	A3K77	3.17	0	95	Khá	2,205,000	11,025,000
182	2201392	Nguyễn Thị Thu Huyền	A2K77	3.53	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
183	2201479	Trần Thị Thùy Linh	A3K77	3.14	0	85	Khá	2,205,000	11,025,000
184	2201488	Phạm Bích Loan	A3K77	3.28	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
185	2201502	Nguyễn Thị Khánh Ly	A2K77	3.31	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
186	2201521	Trần Thị Thùy Mai	A3K77	3.05	0	93	Khá	2,205,000	11,025,000
187	2201523	Đỗ Đức Mạnh	A4K77	3.06	0	98	Khá	2,205,000	11,025,000
188	2201527	Trần Khắc Mạnh	A4K77	3.30	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
189	2201565	Nguyễn Thành Nam	A4K77	3.70	0	97	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
190	2201567	Lê Thị Việt Nga	A1K77	3.05	0	87	Khá	2,205,000	11,025,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
191	2201591	Lê Thị Nghĩa	A1K77	3.19	0	86	Khá	2,205,000	11,025,000
192	2201601	Mai Thị Ánh Ngọc	A1K77	3.17	0	90	Khá	2,205,000	11,025,000
193	2201606	Phạm Bích Ngọc	A3K77	3.17	0	88	Khá	2,205,000	11,025,000
194	2201607	Phạm Minh Ngọc	A1K77	3.53	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
195	2201609	Trần Thị Ngọc	A4K77	3.44	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
196	2201627	Nguyễn Hằng Nhi	A1K77	3.17	0	88	Khá	2,205,000	11,025,000
197	2201649	Vũ Đình Phong	A2K77	3.19	0	85	Khá	2,205,000	11,025,000
198	2201662	Nguyễn Minh Phương	A4K77	3.61	0	100	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
199	2201663	Phạm Mai Phương	A4K77	3.19	0	87	Khá	2,205,000	11,025,000
200	2201676	Vũ Minh Quân	A4K77	3.20	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
201	2201679	Hoàng Minh Quang	A4K77	3.19	0	85	Khá	2,205,000	11,025,000
202	2201732	Đỗ Thị Phương Thảo	A3K77	3.17	0	90	Khá	2,205,000	11,025,000
203	2201761	Vũ Tiến Thịnh	A4K77	3.06	0	96	Khá	2,205,000	11,025,000
204	2201779	Nguyễn Thị Thương	A2K77	3.28	0	91	Giỏi	2,425,000	12,125,000
205	2201786	Nguyễn Thị Thu Thủy	A4K77	3.06	0	91	Khá	2,205,000	11,025,000
206	2201803	Đỗ Hạnh Đoàn Trang	A3K77	3.83	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
207	2201810	Lê Phan Huyền Trang	A2K77	3.11	0	90	Khá	2,205,000	11,025,000
208	2201816	Ngô Lê Quỳnh Trang	A1K77	3.31	0	91	Giỏi	2,425,000	12,125,000
209	2201819	Nguyễn Thùy Trang	A2K77	3.22	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
210	2201821	Nguyễn Thùy Trang	A3K77	3.38	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
211	2201822	Phạm Huyền Trang	A2K77	3.47	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
212	2201847	Đỗ Minh Tuấn	A2K77	3.16	0	85	Khá	2,205,000	11,025,000
213	2201909	Trần Vũ Thùy Linh	A2K77	3.39	0	88	Giỏi	2,425,000	12,125,000
214	2301033	Nguyễn Hoàng Anh	A0K78	3.77	0	92	Xuất sắc	5,400,000	27,000,000
215	2301506	Hán Minh Ngọc	A0K78	3.86	0	86	Giỏi	4,950,000	24,750,000
216	2301679	Nguyễn Uyên Thực	A0K78	3.68	0	87	Giỏi	4,950,000	24,750,000
217	2301720	Ngô Hà Trang	A0K78	3.70	0	89	Giỏi	4,950,000	24,750,000
218	2301047	Nguyễn Thị Hồng Anh	A4K78	3.55	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
219	2301049	Nguyễn Thị Lan Anh	A3K78	3.64	0	97	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
220	2301054	Nguyễn Thùy Anh	A4K78	3.45	0	81	Giỏi	2,425,000	12,125,000
221	2301064	Phạm Trung Anh	A2K78	3.48	0	92	Giỏi	2,425,000	12,125,000
222	2301078	Vũ Thị Tuyết Anh	A4K78	3.82	0	100	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
223	2301109	Mai Ngô Quỳnh Chi	A3K78	3.73	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
224	2301112	Nguyễn Phương Chi	A3K78	3.52	0	83	Giỏi	2,425,000	12,125,000
225	2301153	Mai Ngọc Đức	A1K78	3.91	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
226	2301159	Hà Phương Dung	A4K78	3.64	0	83	Giỏi	2,425,000	12,125,000
227	2301174	Nguyễn Thùy Dương	A3K78	3.64	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
228	2301180	Đàm Đức Duy	A1K78	3.50	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
229	2301193	Nguyễn Hương Giang	A3K78	3.64	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
230	2301197	Nguyễn Thị Thúy Giang	A2K78	3.68	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
231	2301219	Nguyễn Thị Hạ	A2K78	3.55	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
232	2301222	Nguyễn Đỗ Gia Hân	A4K78	3.77	0	92	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
233	2301229	Phạm Thị Hằng	A1K78	3.64	0	79	Khá	2,205,000	11,025,000
234	2301253	Triệu Minh Hiếu	A4K78	3.50	0	65	Khá	2,205,000	11,025,000
235	2301270	Lê Thị Kim Hồng	A4K78	3.45	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
236	2301284	Lý Thu Hương	A4K78	3.59	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
237	2301294	Nghiêm Tuấn Huy	A3K78	3.50	0	93	Giỏi	2,425,000	12,125,000
238	2301314	Trần Thanh Huyền	A4K78	3.55	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
239	2301346	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	A1K78	3.68	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
240	2301347	Phan Thị Lệ	A1K78	3.45	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
241	2301362	Đoàn Khánh Linh	A2K78	3.55	0	90	Giỏi	2,425,000	12,125,000
242	2301385	Nguyễn Thùy Linh	A3K78	3.59	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
243	2301397	Trương Tú Linh	A4K78	3.57	0	96	Giỏi	2,425,000	12,125,000
244	2301497	Bùi Trọng Nghĩa	A2K78	3.45	0	97	Giỏi	2,425,000	12,125,000
245	2301499	Hoàng Văn Nghĩa	A2K78	3.70	0	90	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
246	2301515	Phạm Lê Minh Ngọc	A1K78	3.80	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
247	2301553	Vũ Thị Kim Oanh	A1K78	3.45	0	82	Giỏi	2,425,000	12,125,000
248	2301564	Hoàng Thu Phương	A3K78	3.75	0	85	Giỏi	2,425,000	12,125,000
249	2301566	Lê Ngọc Phương	A1K78	3.45	0	79	Khá	2,205,000	11,025,000
250	2301568	Nguyễn Thị Hà Phương	A4K78	3.45	0	89	Giỏi	2,425,000	12,125,000
251	2301570	Nguyễn Thị Hà Phương	A4K78	3.55	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
252	2301575	Nguyễn Thị Thu Phương	A3K78	3.45	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
253	2301588	Nguyễn Vũ Hồng Quân	A4K78	3.55	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
254	2301616	Nguyễn Tùng Sơn	A2K78	3.68	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
255	2301617	Trần Văn Sơn	A4K78	3.50	0	92	Giỏi	2,425,000	12,125,000
256	2301630	Phạm Thị Hồng Thắm	A1K78	3.45	0	83	Giỏi	2,425,000	12,125,000
257	2301652	Phạm Phương Thảo	A4K78	3.80	0	94	Xuất sắc	2,645,000	13,225,000
258	2301671	Khuất Thị Minh Thư	A1K78	3.68	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
259	2301673	Nguyễn Anh Thư	A1K78	3.50	0	82	Giỏi	2,425,000	12,125,000
260	2301687	Nguyễn Thanh Thủy	A3K78	3.73	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
261	2301693	Phạm Thủy Tiên	A2K78	3.59	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
262	2301714	Lâm Huyền Trang	A1K78	3.45	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
263	2301731	Nguyễn Thùy Trang	A4K78	3.59	0	86	Giỏi	2,425,000	12,125,000
264	2301738	Vũ Thu Trang	A1K78	3.52	0	90	Giỏi	2,425,000	12,125,000
265	2301773	Nguyễn Quang Việt	A1K78	3.50	0	84	Giỏi	2,425,000	12,125,000
266	2301785	Vũ Thị Ý	A1K78	3.77	0	87	Giỏi	2,425,000	12,125,000
267	2091019	Nguyễn Đăng Duy	H1K1	3.65	0	92	Xuất sắc	2,220,000	11,100,000
268	2091024	Vũ Hương Giang	H1K1	3.65	0	95	Xuất sắc	2,220,000	11,100,000
269	2091040	Nguyễn Diệu Linh	H1K1	3.72	0	88	Giỏi	2,035,000	10,175,000
270	2091059	Vũ Phương Trà	H1K1	3.75	0	88	Giỏi	2,035,000	10,175,000
271	2091061	Nguyễn Thị Thu Trang	H1K1	3.72	0	90	Xuất sắc	2,220,000	11,100,000
272	2191018	Vũ Thị Hương	H1K2	3.52	0	86	Giỏi	2,035,000	10,175,000
273	2191027	Đỗ Khánh Linh	H1K2	3.42	0	87	Giỏi	2,035,000	10,175,000
274	2191031	Nguyễn Tuyết Mai	H1K2	3.59	0	93	Giỏi	2,035,000	10,175,000
275	2191041	Đào Duy Quý	H1K2	3.58	0	88	Giỏi	2,035,000	10,175,000
276	2191055	Phạm Thị Trang	H1K2	3.42	0	88	Giỏi	2,035,000	10,175,000
277	2291010	Nguyễn Thành Đạt	H1K3	3.62	0	93	Xuất sắc	2,220,000	11,100,000
278	2291024	Trần Đình Hoàng	H1K3	3.16	0	87	Khá	1,850,000	9,250,000
279	2291038	Phan Công Minh	H1K3	3.34	0	86	Giỏi	2,035,000	10,175,000
280	2291047	Vũ Thảo Phương	H1K3	2.95	0	85	Khá	1,850,000	9,250,000
281	2391008	Nguyễn Mai Anh	H1K4	3.27	0	84	Giỏi	2,035,000	10,175,000
282	2391037	Vũ Thanh Loan	H1K4	3.25	0	89	Giỏi	2,035,000	10,175,000
283	2391041	Ngô Bình Minh	H1K4	3.57	0	87	Giỏi	2,035,000	10,175,000
284	2391054	Nguyễn Anh Thái	H1K4	3.47	0	86	Giỏi	2,035,000	10,175,000
285	2271003	Vương Hòa An	C1K1	3.07	0	87	Khá	1,350,000	6,750,000
286	2271009	Đỗ Nguyễn Nguyệt Ánh	C1K1	3.12	0	87	Khá	1,350,000	6,750,000
287	2271013	Nguyễn Kim Chi	C1K1	3.32	0	86	Giỏi	1,485,000	7,425,000
288	2271020	Lại Thị Thu Hà	C1K1	3.01	0	89	Khá	1,350,000	6,750,000

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức HB (đ/tháng)	Số tiền (đ)
289	2371008	Phạm Hòa Bình	C1K2	3.27	0	86	Giỏi	1,485,000	7,425,000
290	2371026	Nguyễn Đức Nam Khánh	C1K2	3.03	0	85	Khá	1,350,000	6,750,000
291	2371028	Trần Trung Kiên	C1K2	3.23	0	86	Giỏi	1,485,000	7,425,000
292	2371048	Nguyễn Ngọc Phúc	C1K2	2.97	0	85	Khá	1,350,000	6,750,000
293	2371049	Nguyễn Vũ Xuân Phương	C1K2	3.19	0	91	Khá	1,350,000	6,750,000
294	2281004	Trần Diệu Anh	S1K1	2.79	0	87	Khá	1,350,000	6,750,000
295	2281005	Trương Ngọc Ánh	S1K1	2.79	0	89	Khá	1,350,000	6,750,000
296	2281037	Đỗ Minh Ngọc	S1K1	3.03	0	90	Khá	1,350,000	6,750,000
297	2281056	Phan Đức Trung	S1K1	3.18	0	93	Khá	1,350,000	6,750,000
298	2281057	Phạm Thanh Tú	S1K1	2.84	0	92	Khá	1,350,000	6,750,000
299	2381003	Đinh Tổ Anh	S1K2	3.05	0	86	Khá	1,350,000	6,750,000
300	2381010	Trần Hoàng Minh Anh	S1K2	3.07	0	92	Khá	1,350,000	6,750,000
301	2381023	Nguyễn Đức Hiệp	S1K2	3.10	0	94	Khá	1,350,000	6,750,000
302	2381036	Nguyễn Trúc Mi	S1K2	3.10	0	98	Khá	1,350,000	6,750,000
303	2381050	Võ Diệu Phương	S1K2	3.18	0	96	Khá	1,350,000	6,750,000
TỔNG									3,685,675,000

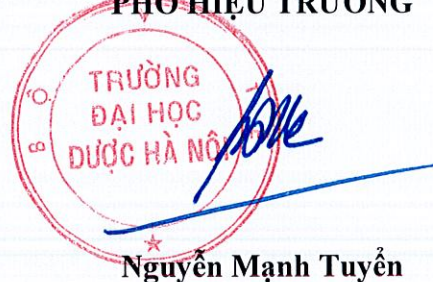
Bảng chữ: Ba tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./.

Danh sách có 303 sinh viên.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐƯỢC HÀ NỘI



Nguyễn Mạnh Tuyên